TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2024/QĐST-LĐ	*Trảng Bàng, ngày 26 tháng 4 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Yến.

***Thư ký phiên họp*:** Ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên họp*:** Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 03/2023/TLST-VLĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu", theo Quyết định mở phiên họp số 08/2024/QĐST-LĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Chị N. T. K. H, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị N. T. K. H:* anh V. H. P, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp 1, xã 2, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An – Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2023 (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH ABC; địa chỉ: Đường số X, Khu công nghiệp Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Người đại diện theo pháp luật:* ông H W J, chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh; địa chỉ: 233 đường Nguyễn Chí Thanh, Khu phố 5, Phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: ông N. V. H, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: bà L. T. H. T, chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội thị xã Trảng Bàng (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

3. Chị V. T. V. H, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong quá trình giải quyết việc lao động, người đại diện hợp pháp của chị N. T. K. H – anh V. H. P trình bày:

Tháng 5/2005, do không hiểu biết pháp luật nên chị H có cho cháu là chị V. T. V. H mượn giấy chứng minh nhân dân của chị H để đi làm tại Công ty TNHH ABC với vị trí là công nhân, thời gian làm việc từ tháng 06/2005 đến tháng 6/2009. Quá trình làm việc tại đây, chị G đã tham gia bảo hiểm xã hội dưới tên N. T. K. H với số sổ bảo hiểm là 4505007031. Sau khi nghỉ việc chị G đã lãnh chế độ bảo hiểm một lần vào ngày 21/7/2010.

Tháng 6/2006 chị H đi làm tại Công ty TNHH LG và tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là 4506009240 cho đến tháng 3/2012 thì chị H nghỉ việc. Sau khi nghỉ việc chị H đã hưởng chế độ bảo hiểm một lần vào ngày 15/6/2013.

Đến tháng 6/2013, chị H đi làm tại Công ty TNHH J. K. S và tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là 7213024429 cho đến tháng 01/2022 thì nghỉ việc.

Năm 2023, chị H làm hồ sơ để rút tiền bảo hiểm xã hội một lần thì không rút được do kết quả tra cứu trên hệ thống thể hiện chị H bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 6/2005 đến tháng 6/2009 tại 02 công ty là Công ty TNHH ABC và Công ty TNHH LG dưới cùng một người là N. T. K. H. Thực tế, thời gian bị trùng từ tháng 6/2005 đến tháng 6/2009 tại Công ty TNHH ABC là khoảng thời gian chị H cho chị G mượn giấy chứng minh nhân dân để làm việc tại Công ty D&F Việt Nam và tham gia bảo hiểm xã hội dưới tên chị H là N. T. K. H. Do bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội nên chị H không lãnh bảo hiểm xã hội được. Vì vậy, nay chị H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH ABC với chị V. T. V. H đứng dưới tên N. T. K. H là vô hiệu mục đích để chị H đủ điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần theo quy định.

Trong quá trình giải quyết việc lao động, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH ABC có văn bản trình bày:

Ngày 01/6/2005, Công ty TNHH ABC và chị N. T. K. H ký hợp đồng lao động số 0506039, chị H được tuyển dụng vào vị trí ghim ren. Chị H làm việc tại Công ty TNHH ABC từ tháng 6/2005 đến tháng 6/2009 thì nghỉ việc nên Công ty TNHH ABC đã chấm dứt hợp đồng lao động với chị H từ tháng 6/2009. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, công ty đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho chị H từ tháng 6/2005 đến tháng 6/2009 với số sổ bảo hiểm xã hội là 4505007031 và thực hiện các nghĩa vụ khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Công ty TNHH ABC không biết việc chị V. T. V. H mượn giấy chứng minh nhân dân của chị N. T. K. H để ký kết hợp đồng lao động với Công ty. Nay Công ty TNHH ABC đồng ý với yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa chị V. T. V. H đứng dưới tên N. T. K. H và công ty là vô hiệu.

Trong quá trình giải quyết việc lao động, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị V. T. V. H trình bày:

Chị và chị N. T. K. H là dì cháu. Năm 2005, chị có mượn giấy chứng minh nhân dân của chị H để đi làm tại Công ty TNHH ABC. Chị làm việc tại Công ty TNHH ABC từ tháng 6/2005 đến tháng 6/2009 và được công ty tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm xã hội là 4505007031, chị đã nhận tiền bảo hiểm

xã hội một lần vào ngày 21/7/2010.

Nay chị đồng ý tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa chị đứng dưới tên N. T. K. H với Công ty TNHH ABC là vô hiệu.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh - bà Lâm Thị Hồng Thắm có văn bản trình bày:

Kiến nghị Tòa án Nhân dân thị xã Trảng Bàng xem xét tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà N. T. K. H và Công ty TNHH ABC vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết yêu cầu:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự và đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết việc lao động. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 15, 16, 49 Bộ luật lao động và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng giải quyết việc lao động xem xét quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị N. T. K. H. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị N. T. K. H, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp Lộc Chánh, xã Lộc Giang, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An và Công ty TNHH ABC là vô hiệu.

2. Chị H phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị N. T. K. H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị V. T. V. H đứng dưới tên N. T. K. H và Công ty TNHH ABC vô hiệu. Đây là yêu cầu về lao động vũộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại Công ty TNHH ABC có trụ sở tại Đường số 6, Khu công nghiệp Trảng Bàng, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng theo điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự trên là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH ABC với chị V. T. V. H đứng dưới tên N. T. K. H là vô hiệu thấy rằng: chị

V. T. V. H và người đại diện hợp pháp của chị N. T. K. H đều thống nhất trình bày, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2005 đến tháng 6/2009 chị G có mượn chứng minh nhân dân của chị H để làm việc tại Công ty TNHH ABC và được công ty đóng bảo hiểm xã hội cho chị H từ tháng 6/2005 đến tháng 6/2009 với số sổ bảo hiểm xã hội là 4505007031. Chị G (dưới tên N. T. K. H) đã ký kết với Công ty TNHH ABC các hợp đồng lao động gồm: hợp đồng lao động số 0506039 ngày 01/6/2005, thời hạn 01 năm; hợp đồng lao động số 0606029 ngày 01/6/2006, thời hạn 01 năm; hợp đồng lao động số 0706027 ngày 01/6/2007, không xác định thời hạn. Tháng 6/2006, chị H đi làm tại Công ty TNHH LGvà được công ty tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là 4506009240 cho đến tháng 3/2012 thì chị H nghỉ việc. Công ty TNHH ABC cũng có văn bản xác nhận chị N. T. K. H làm việc tại Công ty TNHH ABC từ tháng 6/2005 đến tháng 6/2009 và công ty đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội cho chị H từ tháng 6/2005 đến tháng 6/2009 với số sổ bảo hiểm xã hội là 4505007031. Như vậy, việc chị V. T. V. H mượn chứng minh nhân dân và sử dụng thông tin cá nhân của chị N. T. K. H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH ABC là gian dối. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc "*Trung thực"*, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật lao động nên hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật lao động.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội Trảng Bàng đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị N. T. K. H và qua đối chiếu quá trình tham gia bảo hiểm xã hội thể hiện: Thời gian đóng bảo hiểm xã hội bị trùng từ tháng 06/2005 đến tháng 6/2009 tại Công ty TNHH ABC và Công ty TNHH LGvới số sổ bảo hiểm xã hội là 4505007031 và 4506009240. Do đó, nay chị N. T. K. H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH ABC với chị V. T. V. H (do sử dụng thông tin của chị N. T. K. H để giao kết hợp đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Chị N. T. K. H phải chịu lệ phí sơ thẩm yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 15, 16, 49, 50, 51 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị N. T. K. H.

Tuyên bố hợp đồng lao động số 0506039 ngày 01/6/2005, hợp đồng lao động số 0606029 ngày 01/6/2006 và hợp đồng lao động số 0706027 ngày 01/6/2007

giữa chị N. T. K. H, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (do chị V. T. V. H ký kết) với Công ty TNHH ABC là vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Chị N. T. K. H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai vũ tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027586 ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị H đã nộp xong lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả vũận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- CCTHA thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Phạm Thị Yến